

Bản án số: **339/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/7/2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Liên**, Ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Đều trú tại: thôn TÂ, xã TXT, huyện CM, HN.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TXT, huyện CM vào năm 2005. Quá trình chung sống, chị N chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc do anh T không hề quan tâm đến gia đình. Thời gian anh T bị hỏng mắt, chị N đã chạy chữa đến khi khỏi mắt nhưng anh T vẫn không chịu làm ăn mà chỉ uống rượu, bỏ mặc vợ con, một mình chị N phải gồng gánh mọi việc trong gia đình. Vì vậy, chị N không thể chịu đựng được nữa. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị N và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 07/12/2005; cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2011. Chị N xin được nuôi cháu M và cháu P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không lên Tòa án làm việc. Quá trình làm việc, Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T. Theo Biên bản lấy lời khai, anh T trình bày:

Anh và chị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TXT vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân cũng đã lâu. Nay chị N xin ly hôn thì quan điểm của anh T là theo ý của chị N, chị muốn làm gì thì làm. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 07/12/2005; cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2011. Nếu ly hôn, anh T đồng ý cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng các con. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của đương sự tại phiên tòa:

-Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Hiện tại, cả hai con chung đang ở với chị N nên đề nghị HĐXX giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại thôn TÂ, xã TXT, huyện CM, HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt theo đúng quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn T vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã TXT, huyện CM, HN năm 2005 nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị N: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến vợ con, không tu trí làm ăn, vợ chồng đã ly thân được gần một năm nay không còn quan tâm đến nhau. Trước yêu cầu của chị N xin ly hôn, anh T không đến Tòa án làm việc và cũng mặc kệ chị N muốn làm gì thì làm. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị N xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 07/12/2005; cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2011. Xét thấy, cháu M và cháu P hiện đang ở với mẹ, chị N xin tiếp tục được nuôi con nên giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xác nhận vợ chồng chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 07/12/2005; cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2011.

Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh M, sinh ngày 07/12/2005 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/9/2011 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M, cháu P đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075934 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, HN.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã Thủy Xuân Tiên, huyện CM (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA